

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ
về Minh bạch tài sản, thu nhập

Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Minh bạch tài sản, thu nhập;

Căn cứ Nghị định số 55/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều về việc kê khai, xác minh tài sản, thu nhập, kết luận và công khai bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập như sau:

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Thông tư này hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 9/3/2007 của Chính phủ về Minh bạch tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 37/2007/NĐ-CP) về kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là kê khai); xác minh tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là xác minh); kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập (sau gọi tắt là kết luận); công khai bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là công khai bản kết luận).

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Thông tư này áp dụng đối với:

- Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 6 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP;
- Cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người có nghĩa vụ kê khai công tác; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu xác minh; cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền ra quyết định xác minh, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành xác minh và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhân có liên quan.

III. KÊ KHAI LẦN ĐẦU, KÊ KHAI BỔ SUNG

- Kê khai lần đầu* là việc người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai hằng năm lần đầu tiên hoặc kê khai phục vụ việc bổ nhiệm (bao gồm bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý và bổ nhiệm vào ngạch công chức

là đối tượng phải kê khai) mà chưa kê khai lần nào theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 37/2007/NĐ-CP và Thông tư này. Việc kê khai lần đầu này thực hiện theo Mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP.

Việc kê khai vào tháng 12 năm 2007 được coi là kê khai lần đầu. Những người đã kê khai để phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; bầu, phê chuẩn các chức danh tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân hoặc phục vụ bổ nhiệm trong năm 2007 sau ngày Nghị định số 37/2007/NĐ-CP có hiệu lực cũng là kê khai lần đầu.

Đối với những người có nghĩa vụ kê khai theo Danh sách quy định tại Khoản 11 Điều 6 Nghị định 37/2007/NĐ-CP mà chưa thực hiện việc kê khai vào tháng 12 năm 2007 vì chưa có Danh sách thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, các Trưởng ban của các Ban của Trung ương Đảng, người đứng đầu cơ quan Trung ương của tổ chức chính – xã hội phải tổ chức kê khai ngay sau khi Danh sách này được Thủ tướng Chính phủ ban hành và đây là kê khai lần đầu, trừ trường hợp đã kê khai phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. *Kê khai bổ sung* là việc người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai hằng năm từ lần thứ hai trở đi hoặc kê khai phục vụ việc bổ nhiệm mà trước đây đã thực hiện kê khai lần đầu theo quy định tại điểm 1, Mục này. Việc kê khai này được thực hiện theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Các trường hợp kê khai từ sau tháng 12 năm 2007, bao gồm kê khai hằng năm từ năm 2008 trở đi và kê khai phục vụ bổ nhiệm được coi là kê khai bổ sung.

Những trường hợp đã kê khai trong năm 2007 phục vụ bầu cử, bổ nhiệm thì tháng 12 năm 2007 vẫn kê khai bổ sung theo Mẫu số 1.

3. Bản kê khai lần đầu thực hiện theo quy định tại điểm 1 Mục này là bản gốc, được dùng làm căn cứ để so sánh, đối chiếu với các bản kê khai bổ sung. Bản kê khai gốc thay thế các bản kê khai trước khi Nghị định số 37/2007/NĐ-CP có hiệu lực.

IV. NGHĨA VỤ KÊ KHAI

Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 6 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP phải thực hiện việc kê khai hằng năm và kê khai phục vụ việc bổ nhiệm. Người có nghĩa vụ kê khai phải tự kê khai và tự chịu trách nhiệm về nội dung và sự trung thực của việc kê khai.

Phần II

KÊ KHAI HẰNG NĂM VÀ KÊ KHAI PHỤC VỤ BỔ NHIỆM

I. TRÌNH TỰ KÊ KHAI HẰNG NĂM

1. Để đảm bảo công tác kê khai đúng các quy định và thời hạn, tháng 11 hằng năm, căn cứ quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP, đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai trình người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phê duyệt.

Việc phê duyệt hoàn thành chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hằng năm.

2. Sau khi danh sách người có nghĩa vụ kê khai được phê duyệt, đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ phát mẫu bản kê khai và hướng dẫn kê khai:

a) Nếu là kê khai lần đầu thì phát Mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP;

b) Nếu là kê khai bổ sung thì phát Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai và nộp bản kê khai cho đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được Mẫu bản kê khai.

4. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được bản kê khai, đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ phải kiểm tra lại bản kê khai; nếu thấy việc kê khai chưa đúng mẫu quy định thì yêu cầu kê khai lại; thời hạn kê khai lại là năm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Khi tiếp nhận bản kê khai, người tiếp nhận phải làm Giấy giao nhận theo Mẫu ban hành kèm theo Nghị định 37/2007/NĐ-CP và ký nhận.

Việc kê khai và nộp bản kê khai có thể chậm hơn các thời hạn nói trên nếu người có nghĩa vụ kê khai có lý do chính đáng (ốm, đi công tác vắng,...)

5. Việc lưu giữ bản kê khai thực hiện như sau:

a) Nếu người kê khai không thuộc diện cấp ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì bản kê khai được lưu cùng hồ sơ cán bộ của người đó tại đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ;

b) Nếu người kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ sao y 03 bản; nộp bản gốc cho ban tổ chức cấp ủy cùng cấp; lưu 01 bản sao tại đơn vị mình; gửi 01 bản sao cho ủy ban kiểm tra cấp ủy cùng cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ và gửi 01 bản sao cho cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp (để phục vụ công tác giám sát và xác minh, khi cần thiết).

6. Tất cả các hoạt động trên phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 của năm kê khai.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KÊ KHAI PHỤC VỤ VIỆC BỔ NHIỆM

1. Khi có kế hoạch, dự kiến bổ nhiệm thì người cấp thẩm quyền bổ nhiệm yêu cầu người dự kiến được bổ nhiệm thực hiện việc kê khai.

Nếu người dự kiến được bổ nhiệm chưa kê khai lần đầu thì phát Mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP; nếu đã kê khai lần đầu thì phát Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời hạn kê khai, nộp bản kê khai do người có thẩm quyền bổ nhiệm ấn định để bảo đảm việc bổ nhiệm được thực hiện theo đúng quy trình, nhưng phải hoàn thành trước thời điểm lấy phiếu tín nhiệm và đảm bảo đủ thời gian 10 ngày cho người kê khai thực hiện việc kê khai.

Phần III

XÁC MINH, KẾT LUẬN, CÔNG KHAI BẢN KẾT LUẬN PHỤC VỤ BỔ NHIỆM, BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM, KỶ LUẬT

I. XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP

1. Căn cứ, thẩm quyền yêu cầu xác minh; trình tự, thủ tục xác minh

1.1. Khi có những căn cứ quy định tại Điều 16 Nghị định 37/2007/NĐ-CP thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định tại Điều 17 Nghị định 37/2007/NĐ-CP có trách nhiệm ra yêu cầu xác minh.

Riêng đối với tố cáo hoặc phản ánh về vấn đề tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai thì tố cáo hoặc phản ánh đó chỉ được coi là căn cứ ra yêu cầu xác minh nếu có nội dung rõ ràng, bằng chứng cụ thể, có căn cứ để xác định về sự không trung thực trong kê khai của người có nghĩa vụ kê khai và người tố cáo, phản ánh nêu rõ họ, tên, địa chỉ, cam kết hợp tác đầy đủ, cung cấp tài liệu mà mình có cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, có thẩm quyền để phục vụ cho việc xác minh. Đối với các tố cáo, phản ánh giấu tên, mạo tên thì không xem xét để ra yêu cầu xác minh.

1.2. Trình tự, thủ tục xác minh được thực hiện theo quy định tại các điều 18, 21, 23, 24, 25, 27, 28, 29 và 32 Nghị định 37/2007/NĐ-CP.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân ra quyết định xác minh

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ra quyết định xác minh theo quy định tại Điều 19 Nghị định 37/2007/NĐ-CP được xác định như sau:

2.1. Cấp ủy các cấp ra quyết định xác minh đối với người dự kiến được xác minh là cán bộ thuộc diện cấp minh quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Riêng đối với người dự kiến được xác minh là cán bộ thuộc diện ban thường vụ đảng ủy xã, phường, thị trấn quản lý thì ban thường vụ huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh ra quyết định xác minh.

2.2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người dự kiến được xác minh ra quyết định xác minh đối với người đang công tác tại cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước mà không thuộc diện quy định tại điểm 2.1. Mục này.

Riêng đối với người dự kiến được xác minh là cán bộ, công chức cấp xã thì người ra quyết định xác minh là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Việc cử người xác minh, thành lập đoàn xác minh

Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 37/2007/NĐ-CP, người có thẩm quyền ra quyết định xác minh xem xét, cân nhắc để quyết định việc cử người xác minh hoặc thành lập đoàn xác minh đảm bảo khách quan, trung thực, kịp thời theo đúng mục đích, yêu cầu của việc xác minh; trường hợp việc xác minh có nội dung, tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, địa bàn thì phải thành lập đoàn xác minh.

4. Giải trình về việc kê khai

4.1. Trước khi ra quyết định xác minh, người có thẩm quyền ra quyết định xác minh phải có văn bản yêu cầu người dự kiến được xác minh giải trình về số lượng, đặc điểm, biến động tài sản, thu nhập (nếu có).

4.2. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu giải trình, người được yêu cầu phải có văn bản giải trình về các nội dung được yêu cầu và gửi cho người có thẩm quyền ra quyết định xác minh.

4.3. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản giải trình, người có thẩm quyền ra quyết định xác minh phải xem xét, cân nhắc việc ra quyết định xác minh theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định 37/2007/NĐ-CP.

Trong trường hợp thấy nội dung giải trình có căn cứ, thể hiện người giải trình đã kê khai trung thực, việc xác minh là không cần thiết thì người có thẩm quyền sẽ không ra quyết định xác minh và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành xác minh

5.1. Trong trường hợp người được xác minh thuộc diện cấp ủy quản lý theo quy định về cấp quản lý cán bộ thì cơ quan tiến hành xác minh được xác định như sau:

a) Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành xác minh nếu người được xác minh là cán bộ thuộc diện Bộ chính trị, Ban Bí thư quản lý; trường hợp cần thiết thì trưng tập cán bộ của Thanh tra Chính phủ tham gia xác minh;

b) Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tiến hành xác minh nếu người được xác minh là cán bộ thuộc diện ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương quản lý; trường hợp cần thiết thì trưng tập cán bộ của thanh tra tỉnh, thanh tra bộ tham gia xác minh;

c) Ủy ban kiểm tra huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh tiến hành xác minh nếu người được xác minh là cán bộ thuộc diện ban thường vụ huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh ban thường vụ đảng ủy xã, phường, thị trấn quản lý, trường hợp cần thiết thì trưng tập cán bộ của thanh tra huyện, thanh tra sở tham gia xác minh.

5.2. Trong trường hợp người được xác minh là cán bộ đang công tác tại các cơ quan của Đảng ở Trung ương và địa phương mà không thuộc diện do cấp ủy quản lý thì đơn vị tiến hành xác minh được xác định như sau:

a) Đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan Đảng ở cấp Trung ương, cấp tỉnh tiến hành xác minh đối với người được xác minh đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đó;

b) Ban Tổ chức huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh tiến hành xác minh đối với người được xác minh đang công tác tại cơ quan Đảng ở cấp huyện, cấp xã.

5.3. Trong trường hợp người được xác minh không thuộc diện cấp ủy quản lý, không phải là cán bộ đang công tác tại các cơ quan của Đảng ở Trung ương và địa phương thì cơ quan tiến hành xác minh được xác định như sau:

a) Ở cấp Trung ương, thanh tra bộ tiến hành xác minh nếu người được xác minh đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ. Trong trường hợp cần thiết thì thanh tra bộ chủ trì, phối hợp, huy động cán bộ của đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ tham gia xác minh.

Ở các cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước thì đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan đó tiến hành xác minh.

b) Ở cấp tỉnh, thanh tra tỉnh tiến hành xác minh nếu người được xác minh đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm phục vụ cho việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kỷ luật thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong trường hợp cần thiết thì thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp, huy động cán bộ của sở nội vụ, của thanh tra sở tham gia xác minh.